

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NÔ  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2022

V/v: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tím.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Khải và bà Lê Thị Hà.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt Bun, cán bộ TAND huyện Krông Nô.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh, chức vụ: Kiểm sát viên.

Mở phiên tòa ngày 20 tháng 7 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 36/2022/TLST-HNGĐ, ngày 28/3/2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS, ngày 27/6/2022 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Ông Từ Huy Đ - Có mặt.

Địa chỉ: Thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

***Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị Q – Có mặt

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Từ Huy Đ trình bày:

Ông Từ Huy Đ và bà Nguyễn Thị Q kết hôn trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô năm 2012. Ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bà Q phải đi làm ăn xa do điều kiện kinh tế khó khăn. Vợ chồng không gần gũi nhau, không có sự chia sẻ, thấu hiểu, yêu thương, quan tâm chăm sóc cho nhau nên tình cảm vợ chồng xa cách. Đến nay tình cảm yêu thương dành cho nhau không còn nên ông Đ giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Q.

Về yêu cầu nuôi con chung: Ông Đ và bà Q không có con chung.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Bà Q công nhận mối quan hệ hôn nhân của ông bà đúng như lời trình bày của bà Q. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà đã phải đi làm xa với sự đồng ý của ông Đ. Theo bà thì vợ chồng ông bà không có mâu thuẫn gì, bà không hiểu lý do vì sao mà ông Đ cương quyết ly hôn. Bà mong muốn đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Từ Huy Đ ly hôn với bà Nguyễn Thị Q

Về yêu cầu nuôi con chung: Các đương sự không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Từ Huy Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Từ Huy Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Q có nơi cư trú tại thôn H, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Từ Huy Đ và bà Nguyễn Thị Q kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông ngày 18/12/2012. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.*

Ông Đ cho rằng ông bà chỉ chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bà Q đi làm ăn xa, vợ chồng không gần gũi nhau, không có sự hòa hợp, đồng cảm, chia sẻ, không có sự yêu thương, chăm sóc cho nhau. Bà Q thì cho rằng

trong cuộc sống vợ chồng ông bà không có mâu thuẫn gì, do hoàn cảnh khó khăn nên bà phải đi làm xa nhưng được sự đồng ý của ông Đ.

Tại biên bản xác minh ngày 16/5/2022 tại thôn H, thị trấn M, huyện K, tỉnh Đắk Nông thì địa phương có nhận được yêu cầu thôn giải quyết mâu thuẫn, hòa giải đoàn tụ theo yêu cầu của bà Q, tuy nhiên ông Đ không có nhà nên thôn không hòa giải được. Hiện nay ông Đ và bà Q không còn chung sống với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng chung sống để có được hạnh phúc gia đình phải dựa trên sự yêu thương, tôn trọng, phải chung sống với nhau để cùng nhau quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, phải có sự hòa hợp, chia sẻ với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống, việc ông Đ và bà Q bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, ông bà lại không chung sống với nhau, bà Q mong muốn đoàn tụ nhưng ông Đ lại không muốn đoàn tụ, không tìm cách hàn gắn hạnh phúc khiến cả hai bị tổn thương. Điều này cho thấy hôn nhân giữa ông Đ và bà Q không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Từ Huy Đ ly hôn bà Nguyễn Thị Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về yêu cầu con chung: Các đương sự không có con chung nên không xem xét.

[2.3]. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Ông Từ Huy Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Từ Huy Đ.

a. Về quan hệ hôn nhân: Ông Từ Huy Đ được ly hôn với bà Nguyễn Thị Q.

b. Về yêu cầu nuôi con chung: Các đương sự không có con chung.

c. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Ông Từ Huy Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Từ Huy Đ phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà ông Từ Huy Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 0003242/BL-THA, ngày 25/3/2022.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND thị trấn Đắk Mâm;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Lê Thị Tím**